

Bản án số: 156/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2022
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Kiên**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Ngô Thị Thúy Hảo**

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thảo** – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: **Bà Trần Thị Hiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 632/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Văn N, sinh năm 1966. Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn H, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2021 và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn – Ông Mai Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Ông Mai Văn N và bà Nguyễn Thị P kết hôn năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trước khi kết hôn ông N, bà P có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn ông N, bà P chung sống tại thôn 2, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung. Đến khoảng năm 2015, ông N và bà P bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nhưng cả hai vẫn thông cảm cho nhau. Khoảng từ năm 2020, mâu thuẫn vợ chồng trở lên gay gắt, nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc của ông N

thường xuyên phải ở ngoài đòng, không có nhiều thời gian chăm sóc cho vợ, con còn bà P đi làm cũng thường xuyên đi sớm về trễ. Ông N nhiều lần khuyên bà P sắp xếp công việc để dành thời gian chăm sóc gia đình và các con nhiều hơn, nhưng bà P không nghe dẫn đến vợ chồng cãi vã, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nay ông Nghĩa, bà Phượng cũng đã sống ly thân một thời gian. Ông N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được nên ông N yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị P.

Về con chung: Ông Mai Văn N xác định, quá trình chung sống ông N và bà P có 02 con chung là Mai Thanh B, sinh ngày 28/4/2007 và Mai Ngọc H, sinh ngày 27/9/2010. Tại đơn khởi kiện, ông N yêu cầu được nuôi cháu Mai Thanh B, giao cháu Mai Ngọc H cho bà P nuôi. Tuy nhiên, trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, cháu H có nguyện vọng được sống với ông N nên ông N yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Mai Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn – bà Nguyễn Thị P: Sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập bà Nguyễn Thị P đến Tòa làm việc, tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, tham gia buổi hòa giải, nhưng Nguyễn Thị P vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Mai Văn N khởi kiện bà Nguyễn Thị P về việc “Ly hôn”, bị đơn – bà Nguyễn Thị P cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa thì thấy: Ông Mai Văn N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng bà P vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Mai Văn N và bà Nguyễn Thị P đăng ký kết hôn ngày 07/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trên cơ sở tự nguyện nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông Mai Văn N và bà Nguyễn Thị P phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của ông N và kết quả xác minh tại địa phương. Vợ chồng ông Mai Văn N và bà Nguyễn Thị P phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, trong cuộc sống thường xuyên cãi vã và vợ chồng đã sống ly thân.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Mai Văn N thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho ông N và bà P giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình, nhưng không đạt kết quả vì bà P không tới Tòa làm việc. Qua đó, có thể khẳng định bà P có ý thức bỏ mặc hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, ông N vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông N vẫn kiên quyết ly hôn. Nhận thấy hiện nay, ông N và bà P đã sống ly thân, khả năng hàn gắn tình cảm giữa ông N và bà P là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được, ông N yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Mai Văn N đối với bà Nguyễn Thị P.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông N và bà P có 02 con chung tên là Mai Thanh B, sinh ngày 28/4/2007 và Mai Ngọc H, sinh ngày 27/9/2010. Xét thấy, 02 con chung hiện nay đang sống với ông N và đều có nguyện vọng sống cùng ông N, bà P không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với con chung. Ông N yêu cầu được nuôi 02 con chung nên giao 02 con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Ông N không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con nên bà P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà P được quyền đến thăm, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông N không yêu cầu giải quyết, bà P không có ý kiến và yêu cầu gì nên không xem xét.

[3] **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Ông Mai Văn N phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn N.

- *Về hôn nhân:* Ông Mai Văn N được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

- *Về con chung:* Ông Mai Văn N được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung là Mai Thanh B, sinh ngày 28/4/2007 và Mai Ngọc H, sinh ngày 27/9/2010. Bà Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phượng được quyền đến thăm, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông Mai Văn N và bà Nguyễn Thị P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Ông Mai Văn N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001150 ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, ông N đã nộp xong tiền án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TPVT;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Sơn, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ;

Nguyễn Văn Kiên